TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 20-6-2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Ông Ngô Bá Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Trương Thị Thanh T** , sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn B,** sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh B vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2023 cũng như trong quá trình tố tụng chị Trương Thị Thanh T trình bày*:**

Chị và anh B do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/11/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2020 vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B hay nhậu nhẹt, ghen tuông, chửi mắng chị nên thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có chị có 03 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2001, Nguyễn Duy K, sinh ngày 15/4/2008 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/6/2017. Sau khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn A, anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy K, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Yến N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại Tòa nên không có lời trình bày.

Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành hiên ngày 02/6/2023 cháu Nguyễn Duy K trình bày như sau: Hiện tại cháu đang sống cùng với cha, trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với cha. Đây là ý kiến tự nguyện của cháu không ai ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh B cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị T và anh B được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị Trương Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/6/2017, anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con; Anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 15/4/2008, chị Trương Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành, đồng thời chị T và anh B không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: không có

+ Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2023 của chị Trương Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Văn B thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân*

và gia đình". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh B đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh B vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh B đến để tham gia phiên tòa nhưng anh B vắng mặt không rõ lý do đồng thời chị T cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B và chị T là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Trương Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2000 tại UBND xã Thành An, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ sau khi Toà thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho anh B biết để anh đến Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia hoà giải với chị T nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng anh B vẫn cố tình không đến, điều đó chứng tỏ anh B cũng không có thiện chí đoàn tụ với chị T. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh B là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị Trương Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B có 03 con chung, sau khi ly hôn:

Chị Trương Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/6/2017, anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 15/4/2008, chị Trương Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành, đồng thời chị T và anh B không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: : Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Trương Thị Thanh T phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Văn B, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Trương Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Chị Trương Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn B có 03 con chung, sau khi ly hôn:

Chị Trương Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/6/2017, anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 15/4/2008, chị Trương Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2001 hiện đã trưởng thành, đồng thời chị T và anh B không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

3 Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Trương Thị Thanh T có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004742 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Thành An (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm